

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM  
**CHI NHÁNH HOA TIÊU IX**

Số: 14 /CNHT IX-TCTH

V/v niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu

1/cđ: *Chức tịch Cty*  
- Ban QL, KSV  
- PTC/QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** 16/8/24

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Quý khách hàng, đại lý

Thực hiện Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về Quy định niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu IX đăng ký thông tin và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau (kèm theo Bảng niêm yết giá):

- Tên doanh nghiệp: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM – HOA TIÊU IX**

- Địa chỉ giao dịch: số 279 đường 3/2, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR-VT.

- Số điện thoại: 0254.3527118 Hotline: 0933915511

- Số fax: 0254.3527111

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: [www.pilotco9.com.vn/wp](http://www.pilotco9.com.vn/wp)

- Địa chỉ email: [offshore@pilotco9.com.vn](mailto:offshore@pilotco9.com.vn)

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 19/8/2024.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu IX xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công ty HTHHMN (để báo cáo);
- Tập thể Ban Lãnh đạo Chi nhánh;
- Lưu: VT, TCTH.

**GIÁM ĐỐC**  
CHI NHÁNH  
CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN  
HOA TIÊU HÀNG HẢI  
MIỀN NAM-  
HOA TIÊU IX  
Vũ Tiến Việt

Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 21 tháng 8 năm 2024

**BẢNG NIÊM YẾT MỨC GIÁ**

(Ban hành kèm theo Công văn số 14 /CNHT IX ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Chi nhánh Hoa tiêu IX)

**I. Mức giá kê khai**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá kê khai mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>A</b>	<b>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa</b>						
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	Không Không	129.60 2.160.000	Không Không	Không Không
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	Không Không	97.20 2.160.000	Không Không	Không Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá kê khai mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>3</b>	<b>Các quy định cụ thể</b>						
3.1	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ; + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/giờ/người Đồng/giờ/người và phương tiện	32.400 216.000	32.400 216.000	Không Không	Không Không
3.2	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1,2	80% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không
3.3	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1,2	80% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không
3.4	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	150% giá quy định tại điểm 1,2	150% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá kê khai mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.5	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	110% điểm 1,2	110% quy định tại điểm 1,2	Không	Không
3.6	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/lượt	2.160.000	2.160.000	Không	Không
3.7	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/tàu/lượt	324.000	324.000	Không	Không
<b>B</b>	<b>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế</b>						
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL USD/ lượt	0,01296 216	0,01296 216	Không Không	Không Không
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL USD/ lượt	0,00864 216	0,00864 216	Không Không	Không Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá kê khai mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3	Các quy định cụ thể						
3.1	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát: Tính là 01 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại thực tế.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/giờ/người USD/giờ/người và phương tiện	10,8 21,6	10,8 21,6	Không Không	Không Không
3.2	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1,2	80% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không
3.3	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1,2	80% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không
3.4	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	150% giá quy định tại điểm 1,2	150% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá kê khai mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.5	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 1,2	110% giá quy định tại điểm 1,2	Không	Không
16	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/Tàu/lượt	- 208 USD/lượt đối với điểm 1; 2	- 208 USD/lượt đối với điểm 1; 2	Không	Không
17	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/tàu/lượt	32,4	32,4	Không	Không

## II. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Từ ngày 19/8/2024, Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu IX thực hiện thu giá dịch vụ hoa tiêu theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam; Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam. Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam thực hiện kê khai giá không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ, Công ty kê khai lại giá dịch vụ cho phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Công ty thực hiện niêm yết lại giá dịch vụ hoa tiêu theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/8/2024, thay thế Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải.

## III. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 19/8/2024 theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. Các trường hợp tính giá cụ thể được áp dụng theo Điều 8 Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Điều 5 Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các két nước dẫn.

2. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyên/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết định này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

**Đối với các đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% thì mức giá áp dụng bằng mức giá kê khai (cột 6) chia cho (1 + 8% VAT).**

**Tỷ giá (VND/USD) áp dụng là tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản công bố tại Ngân hàng Công ty kê khai giá mở tài khoản tại thời điểm phát hành hóa đơn.**

**Mức giá niêm yết này thực hiện từ ngày 19 tháng 8 năm 2024./.**

